

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 09-02-2026.

“V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vàng Thị Dưa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Khoàng Văn Sơn và ông Chảo Phù Hiễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025; Về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Giàng Thị D; Sinh ngày 14/4/2005.

Số CCCD: 11305008228; Ngày cấp: 25/3/2022.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Địa chỉ: Bản Đ, xã S, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Thiều A T; sinh ngày: 24/6/1999

Số CCCD: 012099001964; Ngày cấp: 12/6/2022.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Địa chỉ: Bản Đ, xã S, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn Giàng Thị D, vắng mặt bị đơn Thiều A T, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Giàng Thị D khai như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Giàng Thị D và anh Thiệu A T đã tự tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý, anh chị về chung sống với nhau từ đầu năm 2022, đến ngày 13/3/2024 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên (nay là xã S, tỉnh Điện Biên) do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây sau khi làm xong nhà vào tháng 8/2025 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không hiểu và thông cảm cho chị D trong cuộc sống, không tôn trọng, có lời nói xúc phạm chị D nhiều lần. Không giúp đỡ chị trong công việc trong gia đình, chị D dậy nấu cơm sáng, con khóc anh T cũng không giúp trông con nhỏ. Chị D có góp ý nhưng anh T không nghe mà còn dùng tay đập vào mặt chị, giữa chị và anh T không tìm được tiếng nói chung. Chị D nhận thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T không thể tiếp tục được nữa, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị D đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên giải quyết được ly hôn với anh Thiệu A T.

- *Về con chung*: Chị Giàng Thị D và anh Thiệu A T có 03 con chung là Liều Thị Ngọc L, sinh ngày 17/01/2022, Liều Thiên B, sinh ngày 19/3/2023 và Liều Thiên V, sinh ngày 19/10/2024.

Khi ly hôn chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 03 con chung đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị D yêu cầu anh Thiệu A T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho 02 cháu Liều Thiên B, sinh ngày 19/3/2023 và Liều Thiên V, sinh ngày 19/10/2024 đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Thiệu A T đã khai:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Thiệu A T và chị Giàng Thị D về chung sống với nhau năm 2022 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2024 tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Điện Biên (nay là xã S, tỉnh Điện Biên). Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8 năm 2025 giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã do không thống nhất trong sinh hoạt nên chị D đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản H, xã N, tỉnh Điện Biên. Nay chị Giàng Thị D xin ly hôn với anh Thiệu A T tại Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên, anh T không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 03 con chung chưa thành niên là Liều Thị Ngọc L, sinh ngày 17/01/2022, Liều Thiên B, sinh ngày 19/3/2023 và Liều Thiên V, sinh ngày 19/10/2024.

Về con chung, anh Thiệu A T có yêu cầu xin được nuôi cả 03 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Thiệu A T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, đề nghị HĐXX tuyên xử cho chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Thiều A T.

- Giao cả 03 con chung chưa thành niên là là Liều Thị Ngọc L, sinh ngày 17/01/2022, Liều Thiên B, sinh ngày 19/3/2023 và Liều Thiên V, sinh ngày 19/10/2024 cho chị Giàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và có khả năng lao động. Chấp nhận yêu cầu bị đơn Thiều A T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho 02 con với mức 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/tháng cho 02 cháu Liều Thiên B, và Liều Thiên V đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Giàng Thị D và anh Thiều A T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cần đề cập xem xét.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Giàng Thị D do là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Giàng Thị D, Tòa án xác định đây là vụ án: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Thiều A T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2022, chị Giàng Thị D và anh Thiều A T về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2024. Hai anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc hơn 04 năm và có 03 con chung với nhau. Đến tháng 10

năm 2025 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không hiểu và thông cảm cho nhau trong cuộc sống, anh T có lời nói xúc phạm chị D nhiều lần. Không giúp đỡ chị trong việc chăm sóc con cái. Giữa vợ chồng thường xảy ra cãi vã do không thống nhất trong sinh hoạt, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị D yêu cầu ly hôn với anh Thiệu A T. Bị đơn anh Thiệu A T không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án, do đó thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207/BLTTDS năm 2015. Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, tin tưởng, thương yêu nhau, từ khi chị D đi về nhà bố mẹ đẻ và đem theo cả 03 con nhỏ đến nay, anh Thiệu A T không thăm hỏi gì hay giúp đỡ gì khi con bị ốm. Như vậy đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy việc chị Giàng Thị D xin ly hôn với anh Thiệu A T là có căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi cho chị Giàng Thị D căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Thiệu A T.

[4] Về con chung: Chị Giàng Thị D và anh Thiệu A T đều công nhận vợ chồng có 03 con chung chưa thành niên là Liều Thị Ngọc L, sinh ngày 17/01/2022, Liều Thiên B, sinh ngày 19/3/2023 và Liều Thiên V, sinh ngày 19/10/2024. Chị Giàng Thị D xin được nuôi cả 03 con chung chưa thành niên cho đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị D yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho 02 cháu Liều Thiên B, sinh ngày 19/3/2023 và Liều Thiên V, sinh ngày 19/10/2024 đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Mức cấp dưỡng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), cho 02 cháu Liều Thiên B và Liều Thiên V, mỗi cháu là 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng.

Xét yêu cầu được trực tiếp được nuôi dưỡng cả 03 con chung của chị D thấy: Tuy cả hai anh chị đều làm ruộng nương, anh T ngoài làm ruộng nương, lúc rảnh có đi làm thuê thêm, chị D là người mẹ rất thương con, hiện chị đang ở cùng bố mẹ đẻ và làm ruộng nương tại bản H, xã N, tỉnh Điện Biên. Tại biên bản xác minh ngày 14/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Điện Biên, chính quyền xã S cho biết chị D và anh T có nghề nghiệp chính làm ruộng nương có đủ điều kiện để nuôi con chung chưa thành niên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tại nhà cho anh T nhưng anh T không có mặt để giải quyết và trình bày nguyện vọng nuôi con chung là cố tình không chấp hành quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Khi các cháu ốm đi viện, anh T không hỏi han hay chăm sóc gì. Hiện cả 03 cháu đều dưới 05 tuổi, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chưa thành niên, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Giàng Thị D, tuyên giao cả 03 con chung chưa thành niên cho chị Giàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành và có khả năng lao động.

Xét thấy yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho 02 cháu Liều Thiên B và Liều Thiên V, mỗi cháu là 1.000.000

đồng (Một triệu đồng)/tháng của chị Giàng Thị D là phù hợp với điều kiện của hai bên. Chị D một mình chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con nhỏ, anh T ngoài làm ruộng nương còn đi làm thuê thêm, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Căn cứ vào các Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: bị đơn anh Thiệu A T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho 02 cháu Liều Thiên B và Liều Thiên V, mỗi cháu là 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời tuyên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Giàng Thị D và anh Thiệu A T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Giàng Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Giàng Thị D được miễn án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Thiệu A T là người dân tộc thiểu số cư trú tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên xử chị Giàng Thị D được ly hôn với anh Thiệu A T.

2. *Về giao con chung:* Tuyên giao cả 03 con chung chưa thành niên là Liều Thị Ngọc L, sinh ngày 17/01/2022, Liều Thiên B, sinh ngày 19/3/2023 và Liều Thiên V, sinh ngày 19/10/2024 cho nguyên đơn chị Giàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bị đơn anh Thiệu A T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho 02 cháu Liều Thiên B và Liều Thiên V, mỗi cháu là 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con chung không được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo Điều 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Giàng Thị D và anh Thiệu A T không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Giàng Thị D được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Thiệu A T được miễn án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Giàng Thị D, vắng mặt bị đơn Thiệu A T. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tuyên án. Người vắng mặt, kể từ ngày giao, nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND khu vực 5, tỉnh Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng Giám đốc, Thanh tra, Kiểm tra và THA
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vàng Thị Dưa

